

HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ

CHU THỊ THÚY HẰNG*

Già hóa dân số ở Việt Nam đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm quyền của người cao tuổi. Bài viết tiếp cận từ góc độ quyền con người, chỉ ra những khoảng trống pháp lý trong quy định hiện hành, đặc biệt, về nội dung của quyền, chăm sóc dài hạn và cơ chế thực thi. Trên cơ sở đó, đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật theo hướng lấy quyền làm trung tâm, phù hợp với bối cảnh già hóa dân số.

Từ khóa: Người cao tuổi; già hóa dân số; quyền con người; bảo vệ; hoàn thiện pháp luật.

Population aging in Vietnam has created an urgent need to improve the legal framework for protecting the rights of older persons. Adopting a human rights-based approach, the article identifies legal gaps in the current regulatory framework, particularly regarding the substantive content of rights, long-term care, and enforcement mechanisms. On that basis, it proposes directions for legal improvement centered on a rights-based approach, aligned with the realities of population aging.

Keywords: Older persons; population aging; human rights; protection; legal improvement.

NGÀY NHẬN: 11/3/2026

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 03/5/2026

NGÀY DUYỆT: 18/5/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.364.2026.1514>

1. Đặt vấn đề

Già hóa dân số đang trở thành một xu hướng nhân khẩu học ở Việt Nam, đặt ra những yêu cầu mới đối với việc bảo đảm quyền con người nói chung và quyền của người cao tuổi nói riêng. Trong bối cảnh đó, người cao tuổi không chỉ là đối tượng cần được chăm sóc, bảo trợ mà còn là chủ thể của các quyền cần được bảo đảm một cách đầy đủ và thực chất. Tiếp cận từ góc độ quyền con người cho thấy, việc bảo đảm quyền của người cao tuổi không thể chỉ dừng lại ở các chính sách an sinh xã hội mà cần được đặt trong một hệ thống pháp luật đồng

bộ, có khả năng thích ứng với quá trình già hóa dân số. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích cách tiếp cận quyền đối với người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số, chỉ ra những khoảng trống pháp lý trong pháp luật hiện hành; đồng thời, đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tốt hơn quyền của nhóm đối tượng này ở Việt Nam.

2. Quyền của người cao tuổi: tiếp cận từ bối cảnh già hóa dân số

Theo Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 quy định người cao tuổi là công dân Việt

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nam từ đủ 60 tuổi trở lên; Điều 169 *Bộ luật Lao động* năm 2019 quy định tuổi nghỉ hưu khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035. Già hóa dân số ở Việt Nam không còn là xu hướng dự báo mà đã trở thành thực tế, tác động trực tiếp đến việc xây dựng chính sách, pháp luật. Già hóa dân số là một quá trình biến đổi cấu trúc dân số. Quá trình này là kết quả tất yếu của việc mức sinh giảm và tuổi thọ trung bình tăng lên. Cần phân biệt giữa sự gia tăng số lượng tuyệt đối người cao tuổi (do quy mô dân số lớn hơn) và sự gia tăng tỷ trọng tương đối của họ, trong đó về sau mới là chỉ báo cốt lõi của già hóa¹.

Quá trình già hóa dân số ở Việt Nam có một số đặc điểm nổi bật, như: tốc độ già hóa nhanh, diễn ra trong bối cảnh “già hóa trước khi giàu”, tạo áp lực lớn lên hệ thống an sinh xã hội, y tế và chăm sóc người cao tuổi. Đồng thời, sự thay đổi cấu trúc gia đình, xu hướng di cư lao động và chênh lệch điều kiện sống giữa các nhóm dân cư cũng làm gia tăng yêu cầu bảo đảm quyền của người cao tuổi trong thực tiễn².

Theo Cục Thống kê, năm 2025, tỷ trọng nhóm dân số già (từ 60 tuổi trở lên) tăng từ 14% lên 14,5%³. Đồng thời, theo kịch bản mức sinh trung bình, nhóm dân số này sẽ đạt 22,29 triệu người vào năm 2038, chiếm 20,21% tổng dân số, còn dân số từ 65 tuổi trở lên sẽ đạt 14,17% vào năm 2036⁴. Vì vậy, vấn đề không chỉ là số lượng người cao tuổi tăng lên mà còn là yêu cầu điều chỉnh các quan hệ pháp lý, hệ thống an sinh và trách nhiệm của Nhà nước để phù hợp với giai đoạn dân số mới, trong đó quyền của người cao tuổi cần được coi trọng đúng mức.

Trong cách tiếp cận truyền thống, người cao tuổi thường được nhìn nhận chủ yếu như một nhóm đối tượng cần được trợ giúp, chăm sóc và phụng dưỡng. Cách tiếp cận này xuất phát từ nhận thức tuổi cao gắn với suy

giảm sức khỏe, hạn chế khả năng lao động, thu nhập giảm, chi phí y tế tăng và nguy cơ phụ thuộc cao hơn vào gia đình hoặc cộng đồng⁵. Tuy nhiên, về mặt pháp lý, đây vẫn là một cách tiếp cận nặng về phúc lợi và bảo trợ, trong đó người cao tuổi dễ bị đặt vào vị trí của đối tượng thụ hưởng hơn là chủ thể quyền. Chính vì vậy, tiếp cận dựa trên quyền không phủ nhận nhu cầu chăm sóc nhưng đặt nhu cầu đó trong khuôn khổ của các quyền có thể được ghi nhận, bảo vệ và bảo đảm thực hiện bằng nghĩa vụ pháp lý của Nhà nước và các chủ thể có liên quan⁶.

Điểm khác biệt của tiếp cận dựa trên quyền so với tiếp cận an sinh hay tiếp cận từ thiện hay bảo trợ chính là việc chuyển trọng tâm từ đáp ứng nhu cầu sang bảo đảm quyền. Trong tiếp cận an sinh, người cao tuổi thường được trợ cấp, ưu tiên và được chăm sóc khi rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Trong khi đó, tiếp cận dựa trên quyền khẳng định người cao tuổi bình đẳng với các nhóm dân cư khác về địa vị pháp lý và phải được bảo đảm các quyền của mình như một chủ thể độc lập⁷. Nếu trong cách tiếp cận bảo trợ, trọng tâm thường dừng ở trợ cấp xã hội, chăm sóc y tế và phụng dưỡng thì trong cách tiếp cận dựa trên quyền, phạm vi cần quan tâm rộng hơn nhiều, đó là quyền được sống độc lập, quyền được hòa nhập xã hội, quyền tiếp cận dịch vụ y tế và chăm sóc dài hạn, quyền tham gia vào đời sống xã hội, chính trị, văn hóa và cộng đồng cũng như quyền được bảo vệ trước phân biệt đối xử, lạm dụng, bạo lực và cô lập xã hội⁸. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh già hóa dân số, bởi cùng với quá trình tăng tuổi thọ là sự gia tăng của nguy cơ loại trừ xã hội.

Đồng thời, cần nhìn nhận người cao tuổi không chỉ như một nhóm dễ bị tổn thương mà còn như một nhóm xã hội đa dạng. Ở Việt Nam, xu hướng nữ hóa dân số già, sự gia tăng nhóm cao tuổi nhất và khác biệt giữa

nông thôn - đô thị cho thấy không thể áp dụng một mô hình pháp lý chung cho mọi người cao tuổi. Do đó, tiếp cận dựa trên quyền, nếu được hiểu đúng, không chỉ là thay đổi ngôn ngữ từ bảo trợ sang quyền mà là thay đổi toàn bộ logic pháp lý: từ chỗ coi người cao tuổi là đối tượng được hỗ trợ khi cần thiết, sang chỗ nhìn nhận họ là chủ thể có quyền, có nhu cầu khác biệt, có khả năng tham gia và có quyền đòi hỏi các thiết chế công phải vận hành theo hướng tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền đó.

3. Khoảng trống pháp lý trong việc bảo đảm quyền của người cao tuổi

Pháp luật Việt Nam về quyền của người cao tuổi được hình thành khá sớm và từng bước hoàn thiện qua nhiều giai đoạn. Ngay từ những năm đầu thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các sắc lệnh năm 1945 đã đặt nền tảng cho chế độ hưu trí và hỗ trợ đối với người lớn tuổi; đồng thời, *Hiến pháp* năm 1946 ghi nhận trách nhiệm trợ giúp đối với người già yếu không còn khả năng lao động⁹. Bước chuyển đáng chú ý tại khoản 3 Điều 37 *Hiến pháp* năm 2013 lần đầu tiên quy định trực tiếp người cao tuổi được “tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò”, qua đó, không chỉ tiếp cận theo hướng bảo trợ mà còn bước đầu ghi nhận họ như một chủ thể trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, hệ thống pháp luật chuyên ngành đã được hình thành tương đối đầy đủ: *Luật Người cao tuổi* năm 2009 giữ vai trò trung tâm, quy định các quyền cơ bản và trách nhiệm của Nhà nước, gia đình, xã hội đối với người cao tuổi; *Bộ luật Lao động* năm 2019 quy định về lao động cao tuổi và chống phân biệt đối xử theo độ tuổi; *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014; *Luật Bảo hiểm xã hội* năm 2014; *Luật Bảo hiểm y tế* năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) và *Luật Trợ giúp pháp lý* năm 2017. Ở cấp độ chính sách, đặc biệt là Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030 cho thấy, xu hướng mở rộng từ hỗ trợ sang thúc đẩy sự tham gia xã hội và nâng cao chất lượng sống của người cao tuổi.

Nhìn tổng thể, các quy định pháp luật hiện hành chủ yếu xác lập ba nhóm quyền mang tính phúc lợi xã hội, gồm: (1) Quyền được hưởng lương hưu và các chế độ bảo hiểm xã hội; (2) Quyền được chăm sóc sức khỏe và tiếp cận dịch vụ y tế phù hợp; (3) Quyền được hưởng trợ cấp xã hội, đặc biệt đối với nhóm người cao tuổi nghèo, neo đơn, không nơi nương tựa. Tuy nhiên, khi đối chiếu với yêu cầu của tiếp cận dựa trên quyền trong bối cảnh già hóa dân số, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn bộc lộ nhiều khoảng trống đáng chú ý.

Thứ nhất, nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử theo tuổi tác chưa được quy định rõ ràng. Điều 16 *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) ghi nhận nguyên tắc bình đẳng nhưng không liệt kê “tuổi” là một căn cứ bị cấm phân biệt đối xử. *Luật Người cao tuổi* năm 2009 cũng không có điều khoản nào quy định về quyền bình đẳng hay cấm phân biệt đối xử theo tuổi. Tại Điều 8 *Bộ luật Lao động* năm 2019 liệt kê các hành vi bị cấm nhưng không bao gồm phân biệt đối xử vì tuổi tác, trong khi Điều 149 chỉ quy định về “người lao động cao tuổi” theo hướng cho phép làm việc theo thỏa thuận, chưa thiết lập cơ chế bảo vệ chống loại trừ theo tuổi trong tuyển dụng và sử dụng lao động. Điều này khiến người cao tuổi thiếu cơ sở pháp lý để bảo đảm quyền được làm việc phù hợp khi đáp ứng được các yếu tố về điều kiện của người lao động cao tuổi.

Thứ hai, một số quyền quan trọng chưa được luật hóa với tư cách là quyền pháp lý độc lập. Điều 3 và Điều 4 *Luật Người cao tuổi* năm 2009 chủ yếu quy định trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng và phát huy vai trò nhưng không xác lập rõ các quyền cụ thể,

như: quyền tiếp cận thông tin, quyền tiếp cận công nghệ số hay quyền tham gia đời sống xã hội theo nghĩa chủ động. Các chính sách liên quan đến chuyển đổi số (như: Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030) mới dừng ở định hướng, chưa tạo thành quyền có thể yêu cầu thực hiện, cũng không thiết lập nghĩa vụ cụ thể của Nhà nước trong bảo đảm tiếp cận công nghệ cho người cao tuổi.

Thứ ba, pháp luật chưa thiết lập đầy đủ khung pháp lý về chăm sóc dài hạn và dịch vụ chăm sóc ngoài gia đình. Điều 17 và Điều 20 *Luật Người cao tuổi* năm 2009 chủ yếu quy định về chăm sóc tại gia đình và cộng đồng nhưng không ghi nhận “quyền được chăm sóc dài hạn” như một quyền pháp lý. Đồng thời, chưa có quy định đầy đủ về điều kiện hoạt động, kiểm định chất lượng, trách nhiệm giải trình của các cơ sở chăm sóc người cao tuổi cũng như cơ chế giám sát độc lập và khiếu nại của người được chăm sóc, nhất là quy định chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người cao tuổi cũng chưa được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật hiện hành.

Thứ tư, quyền việc làm của người cao tuổi chưa được bảo đảm theo nghĩa đầy đủ của quyền. *Bộ luật Lao động* năm 2019 sử dụng các thuật ngữ mang tính khuyến khích như “tạo điều kiện” (Điều 148) hoặc “có thể thỏa thuận” (Điều 149), thay vì ghi nhận quyền làm việc và quyền tiếp cận bình đẳng cơ hội việc làm. Đồng thời, pháp luật cũng chưa quy định cơ chế chống phân biệt đối xử theo tuổi trong tuyển dụng, thăng tiến và chấm dứt hợp đồng lao động. Ngoài ra, sự không thống nhất giữa khái niệm “người cao tuổi” và “người lao động cao tuổi” (người

làm việc sau tuổi nghỉ hưu theo *Bộ luật Lao động*) gây khó khăn trong áp dụng chính sách bảo vệ trên thực tế.

Thứ năm, quyền tiếp cận đời sống văn hóa, xã hội và dịch vụ công chưa được xác lập rõ như một quyền độc lập. *Luật Người cao tuổi* năm 2009 có đề cập việc “tham gia hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí” nhưng chủ yếu mang tính định hướng, chưa quy định rõ nội hàm quyền và nghĩa vụ bảo đảm của Nhà nước. Các chính sách ưu đãi như giảm giá vé, hỗ trợ dịch vụ (theo *Luật Du lịch* năm 2017, *Luật Thể dục, thể thao* năm 2018, Nghị định số 131/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022) vẫn mang tính phúc lợi, chưa được thiết kế như cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng đối với các dịch vụ công và thiết chế văn hóa.

Thứ sáu, chính sách trợ cấp xã hội chưa bảo đảm mức sống tối thiểu và còn thiếu tính linh hoạt. Theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Nghị định số 76/2024/NĐ-CP đã có điều chỉnh tích cực khi nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội từ 360.000 đồng lên 500.000 đồng/tháng và cho phép địa phương hỗ trợ cao hơn tùy điều kiện thực tế. Tuy nhiên, chính sách trợ cấp xã hội vẫn chưa khắc phục triệt để các bất cập do mức trợ cấp còn thấp so với nhu cầu sống tối thiểu, cơ chế điều chỉnh chưa linh hoạt và chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt về nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi.

Thứ bảy, còn thiếu cơ chế thực thi và giám sát quyền hiệu quả. Nhiều quy định dừng ở mức nguyên tắc, thiếu tiêu chí cụ thể, thiếu cơ chế khiếu nại, giám sát độc lập và trách nhiệm giải trình. Điều này dẫn đến khoảng cách đáng kể giữa quy định pháp luật và thực tiễn bảo đảm quyền của người cao tuổi.

4. Định hướng hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm quyền của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số

Việc hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi cần được triển khai theo hướng chuyển mạnh sang tiếp cận dựa trên quyền, trong đó *Luật Người cao tuổi* năm 2009 cần được sửa đổi theo hướng trở thành đạo luật khung, tạo nền tảng thống nhất cho toàn bộ chính sách liên quan. *Luật* cần được tái cấu trúc với các nội dung cốt lõi, như: quyền của người cao tuổi; nghĩa vụ của Nhà nước, gia đình và xã hội; chính sách chăm sóc và hệ thống dịch vụ; tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, khiếu nại và xử lý vi phạm cũng như nguồn lực thực hiện. Đồng thời, cần luật hóa nguyên tắc cấm phân biệt đối xử theo tuổi tác, coi “tuổi” là một căn cứ bị nghiêm cấm trong mọi hình thức phân biệt đối xử¹⁰.

Một là, về quyền bình đẳng và không phân biệt đối xử, cần bổ sung “tuổi” vào danh mục các căn cứ bị cấm phân biệt đối xử trong *Hiến pháp* hoặc các luật chuyên ngành; xác định rõ các hành vi bị cấm trong tiếp cận dịch vụ và đời sống xã hội cũng như thiết lập cơ chế khiếu nại và chế tài xử lý tương ứng. Bên cạnh đó, pháp luật lao động cần được hoàn thiện theo hướng quy định rõ người cao tuổi chỉ tiếp tục làm các công việc phù hợp với tình trạng sức khỏe, khả năng lao động và nhu cầu cá nhân. Việc khuyến khích người cao tuổi tham gia lao động không nên chỉ được nhìn nhận từ yêu cầu duy trì nguồn nhân lực trong bối cảnh già hóa dân số mà cần đặt trong yêu cầu bảo đảm quyền con người của người cao tuổi, đặc biệt là quyền được nghỉ ngơi, chăm sóc sức khỏe và có cuộc sống phù hợp với tuổi già. Nếu thiếu các giới hạn và tiêu chí phù hợp, việc kéo dài thời gian lao động có thể làm gia tăng nguy cơ người cao tuổi phải tiếp tục lao động vì áp lực kinh tế, thay vì được

lựa chọn trên cơ sở tự nguyện và điều kiện sức khỏe bảo đảm.

Hai là, về quyền tiếp cận thông tin và công nghệ, cần bổ sung vào *Luật Người cao tuổi* các quy định về quyền tiếp cận thông tin công, quyền sử dụng dịch vụ số và quyền được hỗ trợ kỹ năng số. Trong bối cảnh nhiều dịch vụ công, dịch vụ y tế, ngân hàng, bảo hiểm hay thủ tục hành chính đang được chuyển mạnh sang môi trường số, nếu không có cơ chế hỗ trợ phù hợp, người cao tuổi rất dễ trở thành nhóm bị hạn chế khả năng tiếp cận quyền. Vì vậy, pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong phát triển hạ tầng số, thiết kế dịch vụ công theo hướng dễ tiếp cận, dễ sử dụng đối với người cao tuổi; đồng thời, có chính sách hỗ trợ kỹ năng số và hỗ trợ tiếp cận công nghệ cho nhóm này.

Ba là, về quyền tiếp cận dịch vụ chăm sóc, cần luật hóa quyền được chăm sóc dài hạn và quyền lựa chọn hình thức chăm sóc; đồng thời, bổ sung quy định về quyền của người được chăm sóc như quyền được đối xử nhân đạo, quyền tự quyết và quyền bảo mật thông tin. Cùng với đó, cần xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về chăm sóc dài hạn, thiết lập cơ chế cấp phép, kiểm định và giám sát đối với các cơ sở chăm sóc, đặc biệt là khu vực tư nhân¹¹. Việc phát triển các mô hình chăm sóc đa dạng và tích hợp chăm sóc sức khỏe tâm thần vào hệ thống y tế cơ sở cũng là yêu cầu cần thiết trong bối cảnh già hóa dân số nhanh chóng.

Bốn là, về quyền tiếp cận đời sống văn hóa, xã hội, cần ghi nhận đây là một quyền độc lập, với nội hàm bao gồm quyền hưởng thụ, quyền tham gia và quyền sáng tạo. Pháp luật cần quy định rõ nghĩa vụ của Nhà nước trong việc bảo đảm khả năng tiếp cận bình đẳng các thiết chế văn hóa - thể thao; đồng thời, thiết lập các tiêu chuẩn tiếp cận phù hợp với đặc điểm của người cao tuổi. Các

chính sách ưu đãi hiện hành cũng cần được chuyển từ cách tiếp cận phúc lợi sang bảo đảm quyền tiếp cận thực chất.

Năm là, trong lĩnh vực an sinh xã hội, cần điều chỉnh mức trợ cấp theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu và có cơ chế điều chỉnh linh hoạt theo biến động kinh tế. Mức trợ cấp cần được xác định trên cơ sở điều kiện sống thực tế, chi phí sinh hoạt và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi; đồng thời, có cơ chế điều chỉnh phù hợp với biến động kinh tế và giá cả. Bên cạnh đó, pháp luật cần có chính sách hỗ trợ riêng đối với các nhóm người cao tuổi dễ bị tổn thương, như: người không có lương hưu, người sống đơn thân, người khuyết tật hoặc người ở vùng khó khăn. Đồng thời, cần thiết lập các cơ chế hỗ trợ đặc thù đối với nhóm người cao tuổi dễ bị tổn thương và bảo đảm sự công bằng giữa các địa phương trong thực hiện chính sách¹².

Sáu là, việc hoàn thiện pháp luật cần gắn với nâng cao hiệu quả thực thi. Các chương trình, kế hoạch hành động quốc gia cần được tăng cường tính ràng buộc pháp lý, gắn với nguồn lực thực hiện và cơ chế đánh giá cụ thể. Đồng thời, cần lồng ghép quyền của người cao tuổi trong các chính sách lớn về chuyển đổi số, y tế và phát triển bền vững, nhằm bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển¹³.

5. Kết luận

Già hóa dân số đang đặt ra yêu cầu phải nhìn nhận lại vị trí pháp lý của người cao tuổi từ đối tượng bảo trợ sang chủ thể quyền. Mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam đã bước đầu hình thành khung bảo đảm quyền của người cao tuổi nhưng vẫn còn những khoảng trống về nội dung quyền, cơ chế thực thi và mức độ thích ứng với bối cảnh mới. Việc hoàn thiện pháp luật theo hướng tiếp cận dựa trên quyền, gắn với các thiết chế bảo đảm cụ thể và khả thi, vì vậy, không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là điều kiện để bảo đảm sự phát

triển bao trùm và bền vững trong một xã hội đang già hóa nhanh□

Chú thích:

1. Tường Duy Kiên, Nguyễn Thị Thanh Hải, Chu Thị Thúy Hằng (2026). *Thúc đẩy và bảo vệ quyền của người cao tuổi trong bối cảnh già hoá dân số ở Việt Nam*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.11.

2, 4. Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên Hợp quốc (2021). *Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam: Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (Population Ageing and Older Persons in Viet Nam. The Population and Housing Census 2019)*, tr. VIII và 12 - 15

3. *Dân số trung bình của Việt Nam năm 2025 đạt 102,3 triệu người*. <https://nhandan.vn>, ngày 05/1/2026.

5. Nguyễn Phương Nhung (2024). *Hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr. 1.

6, 7, 8. Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam và Quỹ Dân số Liên Hợp quốc (2019). *Hướng tới xây dựng chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam (Towards a Comprehensive National Policy for an Ageing Viet Nam)*, tr. 38, 38, 40 - 42.

9. Chính phủ (1945). *Sắc lệnh số 54/SL ngày 03/11/1945 về điều kiện nghỉ hưu của công chức; Sắc lệnh số 58/SL ngày 10/11/1945 về chế độ trợ cấp cho công chức mất sức lao động*.

10. *Nguyên tắc của Liên Hợp quốc về người cao tuổi (United Nations Principles for Older Persons)*. <https://www.ohchr.org>, truy cập ngày 20/12/2025.

11. *Chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi ở Việt Nam (Long-Term Care for Older People in Viet Nam)*. <https://www.adb.org>, truy cập ngày 20/12/2025.

12. *Social Protection for Older Persons*. <https://www.helpage.org>, truy cập ngày 20/12/2025.

13. *Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (Transforming our world: the 2030 Agenda for Sustainable Development)*. <https://sdgs.un.org>, truy cập ngày 20/12/2025.